

Số: 1.0./GPMT-UBND

Quận 1, ngày 01 tháng 02 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4936/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1;

Căn cứ Quyết định số 7067/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về Thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường "Phòng khám Đa Khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn" thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec – Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park;

Theo ý kiến của Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường "Phòng khám Đa Khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn" tại bản nhận xét báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 121/CV-VINMEC ngày 13/12/2022 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec – Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park và hồ sơ kèm theo;

Xét ý kiến của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 01 /TTr-TNMT ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc cấp giấy phép môi trường Phòng khám Đa Khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn, địa chỉ tại số 2 - 2 Bis Trần Cao Vân, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Phòng khám Đa Khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn.



[Handwritten signature]

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec – Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park, địa chỉ tại số 2 - 2 Bis Trần Cao Vân, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Phòng khám Đa Khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn”

1.2. Địa điểm hoạt động: số 2 - 2 Bis Trần Cao Vân, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 0106050554-001, đăng ký lần đầu ngày 23/01/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 19/10/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp.

Mã số địa điểm kinh doanh: 00008, đăng ký lần đầu ngày 31/8/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 15/3/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0106050554-001

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Phòng khám đa khoa Quốc tế

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở: dự án được thực hiện tại địa chỉ số 2 - 2 Bis Trần Cao Vân, phường Đa Kao Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

- Trệt và 03 lầu, tổng diện tích sàn sử dụng là 2.486 m².

- Quy mô: Dự án có tổng số vốn đầu tư là 12.000.000.000 đồng, thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Công suất: 60 bệnh nhân/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.



2.5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec – Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 01 tháng 02 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 1 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec – Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park;
- Công Thông tin điện tử của UBND Quận 1;
- Lưu: VT, U (5).

Ngày. 24-02-2023

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Nguyễn Quang Vinh

Số CT..... 07180--01 SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIỆN



Dương Bích Huyền

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *lê* /GPMT-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên văn phòng và từ hoạt động khám chữa bệnh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: công chung thành phố trên đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1.

2.2. Vị trí xả nước thải: số 2 - 2 Bis Trần Cao Vân, phường Đa Kao Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°):

$$X = 603.456; Y = 1.214.247$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, k = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	TSS	mg/l	120		
3	COD	mg/l	120		
4	BOD ₅	mg/l	60		
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	60		
6	PO ₄ ⁻ (tính theo P)	mg/l	12		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	S ₂ ⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	12		
9	Salmonella	CFU/100ml	KPH		
10	Shigella	CFU/100ml	KPH		
11	Vibrio Cholerae	CFU/100ml	KPH		
12	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
13	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

Đối với nước mưa chảy tràn trên mái & ban công của tòa nhà qua cầu chắn rác, theo ống uPVC D114 từ các máng xối xuống tầng 1 dẫn vào hố ga, thoát vào tuyến ống HDPE D220 thu nước mưa ngoại vi.

Đối với nước mưa chảy tràn trên phần mặt bằng Cơ sở: nước mưa đi qua song chắn rác và thoát trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa ngoại vi của Cơ sở.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải y tế có công suất 5 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình xử lý: (Nước thải sinh hoạt → Bồn tự hoại) + (Nước thải từ các phòng điều trị) → Bể gom nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

Nước thải y tế sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, k=1,2): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục A Phụ lục này): Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Các hạng mục công trình đều được thiết kế có nắp đậy.
- Luôn bố trí nhân sự để kiểm tra hệ thống định kỳ.
- Thu gom và xử lý bùn thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải lập kế hoạch vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, thu gom xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan chức năng kịp thời xử lý, lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI: Không có.

Quá trình hoạt động tại Cơ sở chủ yếu sử dụng các thiết bị máy móc hiện đại, không ảnh hưởng đến chất lượng không khí tại khu làm việc. Vì vậy, Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Cơ sở không sử dụng máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí khu vực hệ thống xử lý nước thải.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Người vận hành thiết bị phải thường xuyên kiểm tra thiết bị, phải đảm bảo các thiết bị làm việc ở trạng thái bình thường. Khi thấy có bất kỳ thiết bị nào hoạt động khác thường, phải ngay lập tức báo cho người có trách nhiệm biết để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo điểm g và h, khoản 1, điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

Lượng phát sinh về tiếng ồn và độ rung tại Cơ sở không đáng kể, Cơ sở đã đề ra các biện pháp nhằm giảm ồn tại khu vực làm việc cũng như khu vực bên ngoài Cơ sở. Vì vậy Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Cơ sở không sử dụng máy phát điện dự phòng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

-Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

-Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.



PHỤ LỤC 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của Dự án.
2. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quy hoạch, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan; có trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai theo quy định.
3. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như nội dung đã được cấp phép; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

Phụ lục 5

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02
Năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng		Mã CTNH
			Giai đoạn hiện tại (kg/năm)	Giai đoạn vận hành ổn định (kg/năm)	
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20	20	16 01 06
2	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	10	10	18 02 01
3	Thùng sơn, lon sơn, lon mực	Rắn	4	4	18 01 01
4	Hộp mực in thải	Rắn	20	20	08 02 04
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	20	20	16 01 12
6	Linh kiện điện tử thải	Rắn	20	20	16 01 13
7	Cặn dầu nhớt thải	Lỏng	10	10	17 02 03
8	Thủy tinh thải	Rắn	10	10	11 02 01
9	Bùn thải từ HTXLNT	Rắn	30	30	12 06 06
10	Bao bì mềm thải	Rắn	20	20	18 01 01
Tổng lượng chất thải nguy hại			164	164	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường: giấy văn phòng, bao nylon, thùng carton, giấy báo,...	100

1.3. Khối lượng chất thải y tế phát sinh

Khối lượng chất thải y tế phát sinh là 1 kg/ngày.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt: + Các hợp chất có thành phần hữu cơ: thực phẩm, thức ăn thừa,... + Các hợp chất có thành phần vô cơ: vỏ hộp thải, vỏ lon và giấy,...	14.600

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

– Bố trí 07 thùng chứa 60 lít tương ứng 07 loại chất thải ước tính phát sinh, có dán nhãn phân loại và mã chất thải nguy hại theo quy định. Đã được đăng ký tại sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại số QLCTNH 79.001858.T do Sở tài nguyên và môi trường Tp.HCM cấp ngày 22/11/2010.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa riêng biệt tại tầng trệt khoảng 2 m².
- Thiết kế, cấu tạo: riêng biệt có dán biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

– Chất thải được lưu chứa trong 02 thùng chứa 60 lít và 01 thùng 120 lít, dán nhãn theo quy định của ngành y tế, bên trong các thùng chứa là các túi có màu sắc tương ứng theo quy định.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

Khu vực lưu chứa chất thải y tế là 1,5 m² tại tầng trệt của Cơ Sở.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải sinh hoạt tại từng tầng được chứa trong các thùng 60 lít, số lượng thùng

sử dụng là 8 thùng. Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực ở từng tầng được nhân viên vệ sinh thu gom, tập trung về khu vực lưu chứa chất thải rắn tại tầng trệt bằng thang bộ.

- Chất thải tại vị trí tập trung được chứa bằng 02 thùng 120 lít và phải được vệ sinh hàng ngày. Tương ứng với các thùng là các túi nilon đặt phía bên trong, màu sắc túi chứa rác theo quy định của Thông tư 02:2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Tiến hành dán nhãn, ghi dòng chữ trên túi trước khi thu gom theo quy định.

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt là 1,5 m² tại tầng trệt của Cơ Sở.
- Thiết kế, cấu tạo: có dán biển cảnh báo.
- Thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định Điều 75. Phân loại, lưu giữ, chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 (Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới).

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 05290/2023/PKQ-THH (23.6953)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC CENTRAL PARK
- Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC – PHÒNG KHÁM ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC SÀI GÒN
- Địa chỉ lấy mẫu : 2-2 Bis Trần Cao Vân, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Ngày lấy mẫu : 07/12/2023
- Thời gian thử nghiệm : 08/12/2023 - 14/12/2023
- Ngày trả kết quả : 15/12/2023
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	231208.KK.019	Khu vực công (X = 1214238; Y = 603449)	Không khí xung quanh
2	231208.KK.020	Khu vực phòng khám	Không khí lao động
3	231208.NT.017	Tại đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải (X = 1214247; Y = 603456)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

P.GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Hà



ThS. Phạm Thị Hải Yến

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
 Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
 Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 05290/2023/PKQ-THH (23.6953)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 231208.KK.019)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,3	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2022/BTNMT	30,9	-
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2022/BTNMT	67,1	-
4	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2022/BTNMT	0,6	-
5	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
6	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	206	300
7	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	55	200
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	67	350
9	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29	4.098	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

(1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

231208.KK.019: Khu vực công (X = 1214238; Y = 603449)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SĐ: 03/02

Ngày BH/ HL: 16/06/2023

Trang 2/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 05290/2023/PKQ-THH (23.6953)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 231208.KK.020)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT	
				Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508 : 2009	29,7	-	18 ÷ 32
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508 : 2009	64,4	-	40 ÷ 80
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	TCVN 5508 : 2009	0,5	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 9799 : 2013	56,2	-	85 ⁽¹⁾
5	Ánh sáng ^(c)	lux	TCVN 5176 : 1990	401	-	≥ 300 ⁽²⁾
6	Cacbon monoxit (CO) ^(c)	mg/m ³	QT-PTKCO - 29	4,53	12,5	-
7	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,072	3,13	-
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,088	3,13	-
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	0,28	5 ⁽³⁾	-

Chú thích: (c)- Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo;

· QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

· QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

· (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

· (2): QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc

· (3): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

· 231208.KK.020: Khu vực phòng khám

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778



VIMCERTS 076

Số phiếu: 05290/2023/PKQ-THH (23.6953)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 231208.NT.017)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/BTNMT
				Cột B; K=1,0
1	pH ^(b)	TCVN 6492:2011	7,61	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅ ^(a,b) mg/L	TCVN 6001-1:2008	26	50
3	COD ^(a,b) mg/L	SMEWW 5220C:2017	64	100
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b) mg/L	TCVN 6625:2000	30	100
5	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(a,b) mg/L	TCVN 6494-1:2011	2,4	10
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b) mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,87	10
7	Sulfua (tính theo H ₂ S) ^(a,b) mg/L	SMEWW4500-S2-.B&D: 2017	0,20	4
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b) mg/L	TCVN 6494-1:2011	12,1	50
9	Shigella ^(b) Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E: 2017	KPH (MDL = 3)	KPH
10	Vibrio cholerae ^(b) Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH (MDL = 3)	KPH
11	Salmonella ^(b) Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260B: 2017	KPH (MDL = 3)	KPH
12	Tổng Coliforms ^(a,b) MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	2,3 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- Cột B; K=1,0: Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 231208.NT.017: Tại đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải (X = 1214247; Y = 603456)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

TP. HCM, ngày 02 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Quyết định số 4290/QĐ-BYT ngày 13/10/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế giai đoạn 2021-2025;
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 18/GPMT-UBND do UBND Quận 1, TP HCM cấp ngày 01/02/2023 cho Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn.

I. MỤC ĐÍCH

1. Mục đích

- Phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu nguy cơ, sự cố môi trường do chất thải y tế gây nên.
- Chủ động ứng phó, ngăn chặn, xử lý kịp thời sự cố môi trường do chất thải y tế gây nên.
- Tăng cường tính tuân thủ quy định về quản lý chất thải y tế, thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải y tế đúng quy định và đảm bảo an toàn.

2. Phạm vi áp dụng

Nhân viên y tế, nhân viên vệ sinh và toàn bộ cán bộ nhân viên trong Phòng khám.

II. GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG DO CHẤT THẢI Y TẾ

1. Sự cố rò rỉ dịch thải, rơi vãi chất thải trong hoạt động chuyên môn, thu gom chất thải từ nơi phát sinh về khu lưu giữ hoặc tại khu lưu giữ chất thải

Giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

- Đào tạo, tập huấn cập nhật kiến thức cho nhân viên y tế và nhân viên vệ sinh thu gom chất thải về phân loại, vận chuyển chất thải y tế, xử lý sự cố rò rỉ, rơi vãi chất thải y tế.
- Nhân viên y tế thực hiện phân loại chất thải ngay sau khi phát sinh chất thải đúng quy định.
- Nhân viên vệ sinh thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải y tế được đảm bảo an toàn đúng theo quy định.
- Bệnh viện cung cấp đủ các phương tiện lưu chứa, thu gom, vận chuyển chất thải, các phương tiện phòng hộ cá nhân cho nhân viên thực hiện.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển chất thải, vệ sinh khu vực lưu giữ chất thải y tế.
- Khi xảy ra sự cố rò rỉ, rơi vãi chất thải: Xử lý thu gom chất thải đảm bảo an toàn, ngăn ngừa phơi nhiễm cho nhân viên y tế.



6

2. Sự cố hỏng hệ thống xử lý nước thải làm phát thải nước thải chưa được xử lý ra môi trường

Giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

- Về vận hành: có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải. Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý. Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, phát hiện kịp thời các sự cố của hệ thống. Lập sổ vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải 03 tháng/01 lần, tiến hành vào các ngày nghỉ. Kiểm tra các bể xử lý (hiện tượng nứt, thủng, rò rỉ), gồm: Bể điều hòa, bể chứa bùn, các bể hiếu khí, lắng đọng, khử trùng; Kiểm tra hoạt động của máy bơm nước thải, máy thổi khí; Kiểm tra đường ống dẫn nước thải (thủng, rò rỉ); Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị bị hỏng.
- Định kỳ 6 tháng/ lần quan trắc chất lượng nước thải đầu ra để đánh giá khả năng xử lý nước thải của hệ thống.
- Khi xảy ra sự cố hỏng hệ thống xử lý nước thải: Nước thải được lưu giữ tại bể điều hòa, được dẫn vào xử lý tại các đơn nguyên không bị sự cố. Đồng thời tiến hành sửa chữa, khắc phục ngay sự cố để hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường

3. Sự cố đường ống thoát nước

Giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

- Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khí của tất cả các tuyến ống.
- Định kỳ khơi thông hệ thống thoát nước mưa đảm bảo nước thoát hoàn toàn, không gây ngập úng tại khu vực lưu chứa chất thải và khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Lắp đặt hệ thống đường ống dẫn nước thải là hệ thống đường ống PVC kín, không bị rò rỉ nước thải, không bị nước mưa chảy tràn vào hệ thống xử lý nước thải.
- Khu vực lưu giữ chất thải được xây dựng đúng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, không bị mưa dột, thấm nước.
- Khi xảy ra sự cố: Di chuyển khu vực lưu giữ chất thải tạm thời, Sử dụng hóa chất Cloramin B để khử trùng nước. Lưu chứa nước thải trong hệ thống xử lý nước thải để xử lý. Thông báo cho đơn vị quản lý nhà nước về môi trường sự cố xảy ra nếu sự cố ngập lụt diện rộng, ngoài khả năng xử lý của Bệnh viện.

4. Sự cố hệ thống xử lý nước thải hư hỏng, ngưng hoạt động

- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí). Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.
- Đối với các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước: Thường xuyên kiểm tra các mối nối, van khóa trên các hệ thống cấp nước để phát hiện sớm các sự cố.
- Đối với hệ thống xử lý nước thải:
 - Phòng khám đã tính toán và thiết kế công suất xử lý nước thải đáp ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.
 - Bố trí máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.
- Người vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được đào tạo đầy đủ kiến thức.
- Yêu cầu đối với người vận hành trong trường hợp gặp các sự cố thông thường:
 - Lập tức báo cáo cấp trên khi sự cố xảy ra và tiến hành khắc phục trong phạm vi năng lực của mình. Trường hợp ngoài năng lực, cần xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên.;
 - Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: (1) Bảo đảm an toàn về con người, (2) An toàn tài sản, (3) An toàn công việc;
 - Viết báo cáo sự cố và lưu trữ hồ sơ.
- Khi xảy ra sự cố hệ thống nước thải ngưng hoạt động thì Phòng khám phải ngừng cung cấp dịch vụ để tiến hành khắc phục cho đến khi hệ thống hoạt động trở lại.

5. Chất thải y tế nguy hại gia tăng bất thường do lý do dịch bệnh và lý do bất khả kháng

Giải pháp ứng phó sự cố như sau:

- Chuẩn bị kho chứa chất thải nguy hại phụ, một khi khối lượng rác thải nguy hại tăng đột biến sẽ sử dụng kho chứa chất thải phụ.
- Lập dự trù từ đầu năm và chuẩn bị sẵn sàng các trang thiết bị: thùng chứa rác, túi đựng rác,... để ứng phó kịp thời với khối lượng rác thải gia tăng đột biến.
- Liên hệ với Công ty thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nguy hại đã ký hợp đồng với Bệnh viện để tăng cường việc thu gom, vận chuyển, xử lý khối lượng rác nguy hại phát sinh tránh trường hợp rác nguy hại tồn tại quá 24 giờ trong kho chứa chất thải Bệnh viện.

6. Sự cố khu chất thải rắn, chất thải nguy hại

Khu lưu giữ chất thải được chia làm nhiều khu vực khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị biển cảnh báo theo quy định.

7. Vận chuyển chất thải nguy hại

Phòng khám sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị hợp đồng sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

8. Một số sự cố môi trường về phòng cháy chữa cháy

Giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

- Xây dựng phương án, lực lượng phòng chống cháy nổ. Lực lượng phòng chống cháy, nổ hoạt động hiệu quả, được luyện tập định kỳ.
- Có đầy đủ nội quy, tiêu lệnh, dụng cụ, phương tiện phòng cháy chữa cháy; các dụng cụ phương tiện đều đảm bảo chất lượng.
- Hệ thống chữa cháy được lắp đặt tại tất cả các phòng, hành lang trong tòa nhà bao gồm: chữa cháy nước tự động, chữa cháy nước vách tường và bình chữa cháy xách tay (bình bột và bình khí CO₂). Đặc biệt ở những khu vực lắp đặt nhiều thiết bị kỹ thuật, tăng cường thêm các bình chữa cháy xách tay CO₂.

lu

- Lắp đặt hệ thống báo động. Gắn số điện thoại liên lạc để ứng cứu khi xảy ra sự cố. Báo động bằng loa phát thanh khi sự cố xảy ra.
- Định kỳ mỗi năm tập huấn phòng chống cháy nổ cho cán bộ, nhân viên y tế.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng các thiết bị điện; kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình quy định khi sử dụng các trang thiết bị máy móc phục vụ công tác chuyên môn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiểm soát nhiễm khuẩn

- Hướng dẫn xử lý sự cố rò rỉ, rơi vãi chất thải y tế theo quy định.
- Giám sát việc phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải y tế thường xuyên.

2. Phòng Kỹ Thuật Tòa Nhà

- Định kỳ mời đơn vị có đủ chức năng sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống xử lý nước thải.
- Mua sắm, trang bị đầy đủ các dụng cụ lưu chứa, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải.
- Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải theo quy định.
- Phân công nhân viên vận hành theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

3. Phòng Bảo Vệ

- Khi sự cố xảy ra: Ấn nút báo động cháy, sử dụng bình chữa cháy xách tay cho những đám cháy mới phát sinh, các đám cháy do thiết bị điện hoặc chữa cháy xăng, dầu. Nếu đám cháy lan rộng trong phạm vi lớn, sẽ sử dụng chữa cháy bằng nước và vách tường. Sơ tán người qua đường thoát hiểm.
- Định kỳ kiểm tra hệ thống dẫn, thoát nước đảm bảo không bị tắc nghẽn đường ống, không bị rò rỉ.
- Lên kế hoạch và tổ chức tập huấn các lớp phòng chống cháy nổ.

4. Phòng Hành Chính, Bảo Vệ, Kỹ Thuật, HK và Kho: Dự trù kinh phí cho việc bảo dưỡng, mua sắm công cụ, dụng cụ, thiết bị.

5. Phòng ban chuyên môn: Nhân viên y tế tại các khoa thực hiện nghiêm quy định phân loại chất thải y tế, thường xuyên nhắc nhở người bệnh, người nhà người bệnh phân loại chất thải đúng quy định tránh vứt rác vào đường ống gây tắc nghẽn hệ thống dẫn nước thải.

Trên đây là kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại Phòng khám. Đề nghị các khoa, phòng, trung tâm nghiêm túc phổ biến, triển khai thực hiện có hiệu quả.

